TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Thúy Liễu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Son**.

2. Bà **Võ Thị Trâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 771/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành A**, sinh năm 1968 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 39/6B, tổ 32, ấp G, xã N, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1972 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 39/6B, tổ 32, ấp G, xã N, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thành A trình bày:***

Ông A và bà B chung sống vợ chồng vào năm 1988, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông bà sống chung hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vì vậy ông A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó ông bà thường xuyên cãi nhau, tình cảm không còn, nay ông A yêu cầu được ly hôn với bà B.

Ông bà sống chung có hai người con là Nguyễn Thanh C, sinh năm 1989 và Nguyễn Mộng D, sinh năm 1995. Hiện tại, hai con đều đã thành niên nên ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hiện tại, ông bà không có tranh chấp tài sản chung nên ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông A trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị B trình bày:***

Bà B thống nhất lời trình bày của ông A về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông bà sống chung hạnh phúc được khoảng 06 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông A không chung thủy, quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác nên ông bà thường xuyên xảy ra bất hòa và cãi nhau, do đó bà B đồng ý ly hôn với ông A. Hiện tại, hai con chung đều đã thành niên nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, bà B không có tranh chấp với ông A nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông A và bà B sống chung không có đăng ký kết hôn nên đề nghị tuyên bố không công nhận ông bà là vợ chồng. Về con chung, ông bà có hai người con đều đã thành niên nên không đặt ra giải quyết. Ông bà không có tranh chấp tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết. Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành A và bị đơn bà Trần Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông A, bà B là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thành A và bà Trần Thị B tự nguyện chung sống vào năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông bà chỉ hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông A không có chung thủy nên ông bà thường xuyên bất hòa, cãi nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông A và bà B thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, ngày 10/01/2019, bà B có "Đơn đề nghị thay đổi lời khai", bà cho rằng vẫn còn tình cảm với ông A nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, việc ông A và bà B chung sống không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông A và bà B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông A và bà B có hai người con là Nguyễn Thanh C, sinh năm 1989 và Nguyễn Mộng D, sinh năm 1995. Hiện tại, con chung đều đã thành niên,

ông B và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông A và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông A và bà B đều trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Ông A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành về việc giải quyết vụ án phù hợp với những nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Thành A và bà Trần Thị B là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông A và bà B có hai người con là Nguyễn Thanh C, sinh năm 1989 và Nguyễn Mộng D, sinh năm 1995. Con chung đều đã thành niên nên ông A và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông A và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông A và bà B trình bày không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012668 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận ông A đã nộp xong án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hồng Thúy Liễu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.